

**Phụ lục XV  
Appendix XV**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ  
BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND  
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED  
PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
VINACONEX  
VINACONEX., JSC**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**  
-----

Số: **1.631**/2025/BC-VCG  
No: ...../2025/BC-VCG

Hà Nội, ngày **24** tháng 05 năm 2025

Hanoi, **24** May, 2025

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và  
người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND  
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED  
PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;  
- Công ty cổ phần Xây dựng Số 12.

To: - *The State Securities Commission;*  
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*  
- *Hanoi Stock Exchange*  
- *VINACONEX 12., JSC .*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (*Information on individual/organisation  
conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:* **TỔNG CÔNG TY CỔ  
PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM/ VIETNAM CONSTRUCTION  
AND IMPORT-EXPORT JSC.**

- Quốc tịch/*Nationality:* **Việt Nam/ Vietnam**



- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue: **0100105616 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 11/07/2024/ No. 0100105616 issued by Hanoi Department of Planning and Investment, 1<sup>st</sup> issuance on December 1, 2006; 14<sup>th</sup> revision on July 11, 2024.**

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Contact address/address of head office: **Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam/ Vinaconex Building, 34 Lang Ha street, Lang Ha ward, Dong Da district, Hanoi, Vietnam.**

- Điện thoại/Telephone: **02462849234**

Fax: **02462849208**

Website: **www.vinaconex.com.vn**

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company: **Người có liên quan của Người nội bộ/ Related persons of internal persons.**

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có/ position at the public company, the fund management company on the registration date (if any): ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do)/and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason):

**\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.**

**2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/Information on the internal person of the public company/public fund who Is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):**

**2.1 Họ và tên người nội bộ/Name of internal person: Nguyễn Hữu Tới/Nguyen Huu Toi**

- Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam/ Vietnam**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.: **037059003998**

- Địa chỉ thường trú/Permanent address: **64B2 Tổ 2 Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội / 64B2 Group 2 Dai Kim, Hoang Mai, Hanoi**

- Điện thoại liên hệ/Telephone: **02462849234**

Fax:

Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction*: **Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Chairman of the Board**

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company*: **Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Chairman of the Board**

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*: **Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) / Chairman of the Board of Directors, Deputy General Director of Vietnam Construction and Import-Export Joint Stock Corporation.**

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any)*: **1.525.049 cổ phiếu, tỷ lệ 13,1% Vốn điều lệ/ 1,525,049 share, 13.1% of charter capital.**

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: **V12**

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (in case of covered warrants)*:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3*:  
..... tại công ty chứng khoán/*In securities company*: **057C503001 tại Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam/ 057C503001 at KIS Vietnam Securities Joint Stock Company.**

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction*: **2.094.480 cổ phần, tỷ lệ 18% vốn điều lệ/ 2,094,480 shares, 18% of charter capital.**

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants)*:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred)*: **Đăng ký bán/ Sell.**

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*: **1.803.580 cổ phần/ 1,803,580 shares.**



7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*.

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/*Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inher it/transfer/be transferred/swap)*: **Bán/ Sell.**

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded*: **1.803.580 cổ phần/ 1,803,580 shares.**

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/*the value of executed transaction (calculated based on par value)*: **18.035.800.000 VNĐ/ 18,035,800,000 VND.**

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price)*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction*: **290.900 cổ phiếu, 2,5% vốn điều lệ/ 290,900 shares, 2.5% of charter capital.**

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person*:

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/*Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants \**:

11. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*: **Thỏa thuận/ Trading through agreement.**

12. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time*: **21/05/2025.**

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed)*:

\*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/*Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results*:

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- UBCKNN, HOSE, HNX,
  - V12/SSC, HOSE, HNX, V12.
  - Lưu: VT/Archives in Admin.
- Dept.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM/VINACONEX JSC.**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Xuân Đông**